



Chân thành cảm ơn Quý khách hàng đã tin dụng sản phẩm của chúng tôi

## LẬP TRÌNH KX-TEB308, KX-TEB824 CƠ BẢN BẰNG BÀN KEY

- **Bắt đầu vào lập trình hệ thống:**

(Để lập trình hệ thống thì bàn lập trình phải gắn vào Port 1)

Nhấn phím Program -> \*#1234 -> "System No?" -> nhập mã lập trình theo hướng dẫn dưới đây:

**Chú ý:** Các lệnh sau đây tương đương với các phím trên bàn lập trình KXT7730 hoặc KXT 7030

- **Next:** tương đương với phím SP-Phone dùng để lật trang màn hình đi tới
- **Select:** tương đương với phím Auto Answer
- **Store:** Tương đương với phím Auto dial store
- **End:** Tương đương với phím Hold
- **FWD:** Dùng để di chuyển con trỏ đi tới
- **CONF:** Dùng để di chuyển con trỏ đi lui
- **Redial:** Dùng để lui trang màn hình trở lui

### I. Ngày giờ hiện hành :

- Nhập **000** -> bấm **Next** ( SP-Phone ) -> **Year** ( 00-99 ) nhập hai số cho năm -> bấm **Select** ( **Auto answer**: chọn từ Jan -> Dec ) cho tháng -> **Day** ( 1 -> 31 ) nhập hai số cho ngày -> bấm **Select** ( **Auto answer**: chọn Sun -> Sat ) -> **Hour** ( Bấm từ 1 -> 12 ) để chọn giờ -> **Minute** ( Bấm từ 00 -> 99 ) để chọn phút -> bấm **Select** ( **Auto answer**: AM/PM ) để chọn AM/PM -> bấm **Store** ( auto dial ) để lưu -> bấm **End** ( Hold ) để kết thúc .

### II. Đổi Password lập trình hệ thống:

- Nhập **002** -> bấm **Next** -> **Password**( **0000 – 9999** ) nhập **Password** bốn số cần thay đổi (mặc định là **1234**) -> bấm **Store** để lưu -> bấm **End** kết thúc .

### III. Bàn giám sát DSS :

- Nhập **003** -> bấm **Next** -> **DSS Console No** ( 1->2 ) nhập 1 hoặc 2 để chọn bàn DSS1 hay DSS2 -> **Ext Jack No** ( 02-> 16 ) chọn jack đã gắn bàn DSS -> bấm **Store** -> bấm **end** kết thúc .
- Nhập **004** -> bấm **Next** -> **DSS Console No** ( 1->2 ) Nhập 1 hoặc 2 để chọn DSS 1 hoặc 2 vừa chọn ở bước trên -> **Ext Jack No** ( 01-> 16 ) chọn Jack mà gắn bàn lập trình (thường chọn **Jack 01**) -> bấm **Store** để lưu -> bấm **End** để kết thúc .

### IV. Chế độ ngày đêm chuyển đổi tự động ( Auto ) hoặc nhân công ( Man ) :

- Nhập **006** -> bấm **Next** -> bấm **Select** để chọn **Auto** hay **Man** -> bấm **Store** để lưu -> bấm **End** kết thúc .

### V. Định thời gian làm việc ở chế độ ngày đêm :

- Nhập **007** -> bấm **Next** -> bấm **Next** ( **Sun** -> **Sat** ) để chọn thứ hoặc Prew-tương đương phím **Redial**( **sun** -> **sat** ) hoặc "\*" ( **everyday** ) chọn tất cả các ngày trong tuần -> bấm **Select** ( **day / night / lunch –S/lunch-E** ) chọn chế độ ngày,đêm-> **Hour** ( 1 -> 12 ) bấm từ 1->12 chọn giờ -> **Minute** ( **00** -> **59** ) nhập từ **00-59** chọn phút -> bấm **select** chọn AM hoặc PM -> bấm **Store** để lưu -> bấm **End** kết thúc.

### VI. Chọn Jack làm máy Operator :

- Nhập **007** -> bấm **Next** -> **Ext jack No** ( 01 -> 08 ) nhập từ 01-> 08 để chọn **Jack** cho **Operator** -> bấm **Store** để lưu -> bấm **End** kết thúc .

### VII. Thay đổi số máy nhánh : có 3 Plan. Để thay đổi số máy nhánh bạn có thể chọn một trong 3 Plan sau

- **Plan 1** : 100 -> 199
- **Plan 2** : 100 -> 499
- **Plan 3** : 10 -> 49
- Nhập **003** -> bấm **Next** -> bấm **Select** chọn **Plan 1/2/3** -> bấm **Store** -> bấm **Next** -> **Ext jack No** ( **01->24** ) -> **Ext No** nhập số máy nhánh cần thay đổi -> bấm **Store** để lưu -> bấm **End** kết thúc.

### VIII. Kết nối CO hoặc không kết nối CO:

- Nhập **400** -> bấm **Next** -> **outside line No ( 1..8/\* )** nhập **1->8** để chọn **C01-C08** hoặc **“\*”** chọn tất cả **C0** -> bấm **Select** chọn **Connect** hoặc **No connect** -> bấm **Store** để lưu -> bấm **End** kết thúc .

**IX. Chọn chế độ quay số cho CO line :chọn chế độ DTMF**

- Nhập **401** -> bấm **Next** -> **Outside line No ( 1..8/\* )** nhập **1->8** chọn **C01->C08** hoặc **“\*”** chọn tất cả
- **CO** -> bấm **Select** để chọn **DTMF** -> bấm **Store** để lưu -> bấm **End** kết thúc.

**X. Xác lập máy đổ chuông ở chế độ ngày / đêm / trưa :**

- **Chế độ ngày :** ( theo thời gian trong chương trình 007 )
  - Nhập **408** -> bấm **Next** -> **Outside line No ( 1..8/\* )** nhập **1-> 8** chọn **C01-> C08** hoặc bấm **“\*”** để chọn tất cả **C0** -> **Ext jack No ( 01..24/\* )** nhập từ 01->24 chọn máy đổ chuông hoặc bấm **“\*”** chọn tất cả máy nhánh đổ chuông -> bấm **Select** chọn **Enable / Disable**-> bấm **Store** để lưu -> bấm **End** kết thúc.
- **Chế độ đêm :** ( theo thời gian trong chương trình 007 )
  - Nhập **409** -> bấm **Next** -> **Outside line No ( 1..8/\* )** nhập **1-> 8** chọn **C01-> C08** hoặc **“\*”** chọn tất cả các **C0** -> **Ext Jack No ( 01..24/\* )** nhập 01->24 chọn máy đổ chuông hoặc bấm **“\*”** chọn tất cả các máy đổ chuông -> bấm **Select** chọn **Enable/ Disable**-> bấm **Store** để lưu -> bấm **End** kết thúc
- **Chế độ trưa :** ( theo thời gian trong chương trình 007 )
  - Nhập **410** -> bấm **Next** -> **Outside line No ( 1..8/\* )** nhập **1-> 8** chọn **C01-> C08** hoặc bấm **“\*”** chọn tất cả **C0** -> **Ext Jack No ( 01..24/\* )** nhập 01-> 24 chọn máy đổ chuông hoặc bấm **“\*”** chọn tất cả các máy đổ chuông -> bấm select chọn **Enable/ Disable** -> bấm **Store** để lưu -> bấm **End** kết thúc.

**XI. Chế độ Delay chuông ở chế độ ngày / đêm / trưa :**

- **Chế độ ngày tương ứng với chương trình 408**
  - Nhập **411** -> bấm **Next** -> **Outside line No ( 1..8/\* )** nhập **1-> 8** chọn **C01-> C08** hoặc bấm **“\*”** chọn tất cả **C0** -> **Ext Jack No (01..24/\*)** nhập **01** ->**24** chọn máy nhánh đổ chuông **Delay** -> bấm **Select** chọn **Immediately, 5s, 10s , 15s** -> bấm **Store** để lưu -> bấm **End** kết thúc .
- **Chế độ đêm tương ứng với chương trình 409**
  - Nhập **412** -> bấm **Next** -> **Outside line No ( 1..8/\* )** nhập-> chọn **C01->C08** hoặc bấm **\*** chọn tất cả **C0** -> **Ext Jack No(01....24/\*)** nhập 01->24 chọn máy nhánh đổ chuông **Delay** hoặc bấm **\*** tất cả các máy nhánh đổ chuông **Delay** -> bấm **Select** chọn **Immediately, 5s, 10s , 15s** -> bấm **Store** để lưu-> bấm **End** kết thúc .
- **Chế độ trưa tương ứng với chương trình 410**
  - Nhập **413** -> bấm **next** -> **outside line No ( 1..8/\* )** nhập **1-> 8** chọn **C01->C08** hoặc ) chọn tất cả **C0** -> **Ext Jack No (01..24/\*)** nhập **01->24** chọn máy nhánh đổ chuông **Delay** hoặc bấm **“\*”** chọn tất cả các máy đổ chuông **Delay** -> bấm **Select** chọn **Immediately, 5s, 10s , 15s** -> bấm **Store** để lưu -> bấm **End** kết thúc .

**XII. Chế độ Hunting : Tìm máy rỗi trong nhóm đổ chuông**

- Nhập **600** -> bấm **next** -> **Ext jack No ( 01 -> 24 )** nhập **01->24** chọn máy nhánh để nhóm trong một nhóm -> **Ext group ( 1..8 )** nhập **1->8** chọn nhóm -> bấm **Store** để lưu -> bấm **End** kết thúc . ( Chọn các **Ext** vào trong một nhóm .)
- Nhập **100** -> bấm **Next** -> **Ext group No ( 1..8 )** nhập **1->8** chọn nhóm máy nhánh -> bấm **Select** chọn **Enable/ Disable** -> bấm **Store** lưu -> bấm **End** kết thúc . ( Chọn **Group Ext** dùng **Hunting** tương ứng với lệnh **600** ) .
- Nhập **101** -> bấm **Next** -> **Ext group ( 1..8 )** nhập **1-> 8** chọn nhóm máy nhánh -> bấm **Select** chọn **Terminal / Circular** -> bấm **Store** lưu -> bấm **End** kết thúc
- Nhập **414** ( chế độ ngày ) -> bấm **Next** -> **Outside line No(1..8/\*)** nhập **1-> 8** chọn **C01-> C08** hoặc tất cả các **C0** -> bấm **Select** chọn **Normal/DIL/DISA1/DISA2/UCD** (chọn **DIL**) -> **Ext Jack No (01->24/\*)** nhập **01->24** chọn máy nhánh hoặc bấm **“\*”** chọn tất cả máy nhánh -> bấm **Store** lưu -> bấm **End** kết thúc . ( Chọn **DIL** cho **EXT jack** thấp nhất trong nhóm )

- Nhập **415** ( chế độ đêm ) -> bấm **Next** -> **Outside line No(1..8/\*)** nhập **1-> 8** chọn **C01-> C08** hoặc bấm "\*" chọn tất cả **C0** -> bấm **Select Normal/DIL/DISA1/DISA2/UCD** (chọn DIL) -> **Ext Jack No (01..24/\*)** nhập **01->24** chọn máy nhánh hoặc bấm "\*" chọn tất cả máy nhánh -> bấm **Store** lưu -> bấm **End** kết thúc. ( Chọn DIL cho **EXT jack** thấp nhất trong nhóm )
- Nhập **416** ( chế độ trưa ) -> bấm **Next** -> **outside line No (1..8/\*)** nhập **1-> 8** chọn **C01-> C08** hoặc bấm "\*" chọn tất cả các **C0** -> bấm **select normal/DIL/DISA1/DISA2/UCD** (chọn DIL) -> **Ext Jack No (01..24/\*)** nhập **01->24** chọn máy nhánh hoặc bấm "\*" chọn tất cả các máy nhánh -> bấm **Store** lưu -> bấm **end** kết thúc. ( Chọn DIL cho **EXT jack** thấp nhất trong nhóm )

### XIII. Chế độ DISA :

**Khi gọi vào trên Co sử dụng disa thì tổng đài phát ra bản tin OGM ,người gọi có thể bấm trực tiếp số nội bộ muốn gặp(nếu biết).Nếu không bấm gì thì cuộc gọi tự động chuyển về operator đã quy định.Phải có card disa (**516 mở hoặc cấm gọi thẳng đến ext**)**

- Nhập **414** ( chế độ ngày ) -> **outside line No (1...8/\*)** nhập **1-> 8** chọn **C01-> C08** hoặc bấm "\*" chọn tất cả **C0** -> bấm **select** chọn **normal/DIL/OGM1/OGM2/UCD** (chọn OGM 1 hoặc OGM 2) -> bấm **Store** lưu -> bấm **End** kết thúc . ( Chọn OGM1/OGM2 )
- Nhập **415** ( chế độ đêm ) -> **outside line No (1...8/\*)** nhập **1->8** chọn **C01-> C08** hoặc bấm \* tất cả các **C0** -> bấm **select NORMAL/DIL/OGM1/OGM2/UCD** (chọn OGM 1 hoặc OGM 2) -> bấm **Store** -> bấm **End** kết thúc.
- Nhập **416** ( chế độ trưa ) -> **next-> outside line No (1...8/\*)** nhập **1->8** chọn **C01->C08** hoặc bấm \* chọn tất cả các **C0** -> bấm **select NORMAL/DIL/OGM1/OGM2/UCD** ( chọn OGM 1 hoặc OGM 2) -> bấm **Store** lưu -> bấm **End** kết thúc . ( Chọn OGM1/OGM2 ) .

### XIV. Chế độ DISA 3 cấp :

- Nhập **500** -> bấm **next** -> bấm **select with AA/Without AA** ( chọn **with AA** ) -> bấm **Store** lưu -> bấm **end** kết thúc ( chọn **WithAA** )
- Nhập **501** -> bấm **next** -> **AA No ( 0->9)** nhập **0->9** tương ứng với 10 máy nhánh trong chế độ **AA** -> bấm **select Jack/Grp/3 level AA/Not Store** ( chọn 3 LevelAA) -> Ext jack No( 01...24 ) hoặc **Ext Group No( 1.....8 )** -> bấm **Store** lưu -> bấm **end** kết thúc .

\* **Chú ý:** Chọn **AA No** từ 0 -> 9 tương ứng với 10 máy nhánh trong Disa cấp 2 sau để chọn ở chế độ **3 level AA** tương ứng cho **AA No** từ 0 -> 9 .

- Nhập **5X ( X= 40 -> 49 )** -> bấm **Next** -> **Second AA No ( 0...9 )** -> **third AA No ( 0..9/\* )** -> bấm **select ( Jack/Grp/3 level AA/Not Store )** -> Ext jack No( 01..24 ) hoặc Ext Group No( 1.....8 ) -> bấm **Store** lưu -> bấm **end** kết thúc .
  - + **X:** ( 40 -> 49 ) tương ứng AA No từ 0 -> 9 .
  - + **Second AA No:** chọn số AA No theo từng nhánh từ 0 -> 9 . Sau đó chọn \* cho Third AA No: và chọn 3 level AA cho tất cả các nhánh trong third AA No
  - + **Third AA No:** chọn số tương ứng cho từng nhánh từ AA No ( 0 ->9 ) để gán cho từng Jack cho từng Ext .
  - + **414, 415, 416 :** khai báo vào chế độ DISA cấp I ( Disa tổng ) .

### XV. UCD( Phân chia cuộc gọi đồng nhất) : Nếu có cuộc từ ngoài vào các máy đổ chuông bận trên đường Co sử dụng chế độ UCD thì tổng đài sẽ thực hiện chế độ UCD như phát bản thông báo khoảng thời gian chờ hoặc kke61t thúc cuộc gọi..Phải có card disa

- Nhập **4X ( 14-16 )** -> bấm **next** -> **CO line No (1->8/\*)** nhập từ **1->8** để chọn từng **CO** nhập \* nếu chọn tất cả->bấm **select** chọn **Normal/UCD/ Modem**(chọn UCD) ->bấm **Store** lưu -> bấm **end** kết thúc

\* **Lưu ý:**

- + **X :** 14-16: ngày , đêm , trưa

#### ▪ Chọn UCD .

- **408** cho chế độ ban ngày để chọn máy đổ chuông .khai báo giống mục V
- **409** cho chế độ ban đêm để chọn máy đổ chuông .Khai báo giống mục V
- **410** cho chế độ ban trưa để chọn máy đổ chuông .Khai báo giống mục V

- Nhập **600** -> bấm **next** -> **Ext Jack No**(chọn máy đã khai báo đồ chuông phía trên) -> **Ext group No** (cho những máy đồ chuông vào cùng 1 nhóm) -> bấm **store** lưu -> bấm **end** kết thúc
- **Cho những máy đồ chuông vào một nhóm .**
  - Nhập **100** -> bấm **next** -> **Ext group No** (chọn nhóm đồ chuông) -> bấm **Select ( Enable/Disable )** -> bấm **store** lưu -> bấm **end** kết thúc
- **Chọn nhóm có những máy đồ chuông về chế độ Enable .**
  - Nhập **101** -> bấm **next** -> **Ext group No** -> bấm **Select ( Terminal / Circular )** -> bấm **store** lưu -> bấm **end** kết thúc
- **Chọn Terminal / Circular cho nhóm “Ext group No” đã chọn ở chương trình 100**
  - + **Terminal** chế độ đồ chuông không xoay vòng
  - + **Circular** chế độ đồ chuông xoay vòng
- Nhập **527** -> bấm **next** -> **UCD OGM No** chọn **1..8** -> bấm **store** lưu -> bấm **end** kết thúc.
- **Chọn bản tin UCD phát ra khi các máy đồ chuông bận**
  - Nhập **521** -> bấm **next** -> waiting time ( 1-32 min/1-59s ) -> bấm **Select** chọn thời gian -> bấm **store** lưu-> bấm **end** kết thúc .
- **Chọn khoảng thời gian chờ khi phát bản tin UCD khi các máy bận .**  
Trong thời gian này nếu máy nào trong nhóm đồ chuông mà rảnh sẽ đồ chuông .Thời gian chờ có thể thay đổi từ 1s→32min
- Nhập **523** -> bấm **next** -> bấm **select** chọn **Intercept- Disa/Disconnect – OGM -> Disa/UCD OGM No ( 1..8 )** -> bấm **store** lưu -> bấm **end** kết thúc .

**Intercept :**

- + **Normal** : đồ chuông ở máy được khai báo đồ chuông sau UCD hoặc nhấn trực tiếp số nội bộ .
- + **Disa** : Phát bản tin OGM và đồ chuông ở máy khai báo sau UCD hoặc nhấn trực tiếp số nội bộ .

**Disconnect :**

- + **Normal** : kết thúc .
- + **DISA**: Phát ra bản tin rồi kết thúc .

**XVI. Cấm Ext gọi ra trên đường CO :**

- Nhập **4X (X=05,06,07)** -> bấm **next** -> **outside line no** nhập 1..6 chọn từ CO 1..C06 hoặc bấm “\*” chọn tất cả CO -> **Ext Jack No** (chọn **ext jack** từ 1-> **24** hoặc “\*” chọn tất cả) -> bấm **select ( enable** chế độ cho phép chiếm co khi bấm số 9 gọi ra ngoài / **disable** chế độ không cho gọi ra ngoài ) -> bấm **store** lưu -> bấm **end** kết thúc .
  - + **X=05** ban ngày, **06** ban đêm, **07** trưa
- Chọn **Enable** cho các **Ext** trên đường **CO** nếu cho máy **Ext** chiếm **CO** gọi ra ngoài . Nếu không cho thì chọn **Disable** .

**XVII. Hạn Chế cuộc gọi :**

- Nhập **3X (X= 02-05 )** -> bấm **next** -> **Code No ( 01-20** là nơi tạo mã cấm cho từng cos từ cos 2 -> cos 5) -> bấm **store** lưu -> bấm **end** kết thúc
  - + **02** : Class 2
  - + **03** : Class 3
  - + **04** : Class 4
  - + **05** : Class 5
- Nhập **6X (X= 01..03 )** -> bấm **next** -> **Ext jack No ( 01..24/\* )** -> **cos No ( Ext jack ở Cos 1** thì không bị giới hạn ) -> **store**(lưu) -> **end**(kết thúc) .
  - + **01** : cho ban ngày
  - + **02** : cho ban ngày
  - + **03** : cho ban ngày

**XVIII. Gọi ra ngoài bằng Account code :**

- Nhập **605** -> **next** -> **Ext jack No ( 01..24/\* )** -> **select ( Option/ Forced/ Verify all / verify toll )** -> **store** -> **end** .

- + **Verify all** : ko tạo mã cấm nào trong chương trình ( khi gọi ra ngoài là phải nhập **Account code** ) .
- + **Verify toll** : Áp dụng từ class 3 -> **class 5** . khi đó đã tạo những mã cấm trong chương trình **303 -> 305** . Muốn gọi phải nhấn **account code** . những mã không cấm trong chương trình **303->305** không cần nhấn **account code** .
- Nhập **310-> next -> code No ( 01-50 ) -> account code ( 0->9 ) -> store -> end** .
- Tạo mã **Account** để khi gọi thì nhấn mã có 4 ký tự .(0000->9999)
- Nhập **303-305** : tạo mã cấm tương ứng khi sử dụng từng **class ( 3->5 )** ở chế độ **verify – toll** .
- Nhập **601-602-603** : đưa **Ext jack No** vào **class** sử dụng **account code ( class 3 -> class 5 )** .

**XIX. ARS : Tự động chèn dịch vụ 171,178,177,179 khi gọi đường dài liên tỉnh quốc tế**

- Nhập **350 -> next -> Co line No ( 1..8/\*** chọn **CO** để sử dụng chế độ **ARS**) nhập từ **0->8** nếu chọn từ **CO 1-> CO 2**,chọn tất cả thì chọn \* -> **select ( enable** chọn chế độ sử dụng **ARS / Disable** không chọn chế độ **ARS** ) -> **Store -> end** .
- Chọn đường **CO** để sử dụng dịch vụ **ARS ( Enable )** .
- Nhập **351 -> next -> Code No ( 01-80 ) -> area code( tối đa 7 digits, 0..9 ) -> Store -> end**
- Chọn mã vùng khi gọi sẽ chèn dịch vụ **ARS** cho **Route 1** .
- Nhập **352 -> next -> Code No ( 01-80 ) -> area code( tối đa 7 digits, 0..9 ) -> Store -> end**
- Chọn mã vùng khi gọi sẽ chèn dịch vụ **ARS** cho **Route 2**
- Nhập **353 -> next -> Code No ( 01-80 ) -> area code( tối đa 7 digits, 0..9 ) -> Store -> end**
- Chọn mã vùng khi gọi sẽ chèn dịch vụ **ARS** cho **Route 3** .
- Nhập **354 -> next -> Code No ( 01-80 ) -> area code( tối đa 7 digits, 0..9 ) -> Store -> end**
- Chọn mã vùng dùng khi gọi sẽ chèn dịch vụ **ARS** cho **Route 4** .
- Nhập **361 -> next -> Route No ( 1..4 ) -> chọn từ 1 -> 4** để chọn **Route 1 ->Route 4-> added Number -> store-> end**

(chèn mã dịch vụ như 171,177,178,179 cho từng Route tương ứng)-> **Store-> end**

**XX. Đảo cực :**

- Nhập **424-> next -> Co line No ( 1..8/\*** chọn từ **1 ->8** cho **CO 1->CO 8** hoặc chọn tất cả thì chọn "\*" -> **select ( enable** chọn chế độ đảo cực / **Disable** không chọn chế độ đảo cực ) -> **Store -> end**

**Enable** : chọn chế độ đảo cực .

**XXI. Chỉnh thời gian Flash time :**

- Nhập **418-> next -> Co line No ( 1..8/\*** nhập từ **1->8** nếu chọn từ **CO 1-> CO 8** nhập "\*" nếu chọn tất cả-> **select ( 600/900/1200ms ) -> Store -> end**

**XXII. Giới hạn thời gian gọi ra ngoài :**

- Nhập **212-> next -> Time ( 1->32 minite** là thời gian cần giới hạn )-> **Store-> end** .
- Tạo khoảng thời gian giới hạn để đàm thoại ( 1-> 32 min )
- Nhập **613 -> next -> Ext jack No ( 01..24/\*** chọn **jack Ext** từ 0 -> 24 nếu chọn tất cả các **jack** thì nhập \* )-> **select (enable** là giới hạn/ **Disable** là không giới hạn ) -> **Store-> end**
- Chọn **Ext** nào giới hạn thời gian gọi ra .

**XXIII. Giới hạn gọi ra trên đường CO :**

- Nhập **205 -> next -> ( 1-32min** là thời gian cần giới hạn ) -> **store -> end**.

Áp dụng khi sử dụng ở chế độ **call forwarding to out side CO line , call transfer to outside CO line** .

Khi hết thời gian giới hạn sẽ chấm dứt cuộc đàm thoại .

**XXIV. Chuyển cuộc gọi trên đường CO line :**

- Nhập **606 -> next -> Ext jack No ( 01..24/\*** nhập từ **1->24** để chọn **Ext jack** nếu chọn tất cả các **jack** thì nhập \* ) -> **select (enable** chế độ cho phép chuyển ) cuộc gọi/ **Disable** chế độ không cho phép chuyển cuộc gọi) -> **Store -> end**.

**Enable** ( cho ) , **Disabl**( không cho ) **Ext tranfer to outside CO line** .

**XXV. Call Forwarding cuộc gọi trên đường CO line :**

- Nhập **607 -> next -> Ext jack No ( 01..24/\*** nhập từ **1->24** để chọn từ **jack 1->24**,nhập \* nếu chọn tất cả ) -> **select (enable** chế độ cho phép sử dụng / **Disable** không cho phép ) -> **Store -> end** .
- + **Enable** ( cho ) , **Disable**( không cho ) **Ext call forwarding outside CO line** .

- 414 ->next ->CO chế độ DUL-Jack được dul
- **Set:** Nhắc máy -> **FWD/DND ( 71 ) -> 3 -> 9/0 -> số điện thoại -> # -> gác máy .**
- **Cancel :** nhắc máy -> **FWD/DND ( 71 ) -> 0 -> # .**

**XXVI. Reset dữ liệu hệ thống ( reset phần mềm )**

- Nhập **999 -> Next -> Select ( all para / system / CO / Ext / Dss /Speed dial ) -> store -> end .**
  - + **All para :** Reset Tổng Đài trả về giá trị **Default .**
  - + **CO para :** Reset Tổng Đài trả về giá trị **Default** của các chức năng **CO line**
  - + **Ext para :** Reset Tổng Đài trả về giá trị **Default** của các chức năng **Ext line**
  - + **DSS para :** Reset Tổng Đài trả về giá trị **Default** của các chức năng **DSS console**

**XXVII. Hiển thị số gọi đến :**

- Nhập **900-> Next -> CO line No ( 1..8/\* nhập từ 1->8 nếu chọn từ CO 1-> CO 2,nhập \* nếu chọn tất cả các CO ) -> Select (enable chế độ hiển thị / Disable chế độ không hiển thị ) -> store-> end**
- Chọn có hoặc không có hiển thị trên từng CO
- Nhập **910 -> Next-> CO line No ( 1..8/\* nhập từ 1->8 nếu chọn từ CO 1->CO 8,nhập \* nếu chọn tất cả ) -> Select ( FSK chọn chế độ hiển thị ở hệ FSK / DTMF chọn chế độ hiển thị ở hệ DTMF) -> store-> end .**
- Chọn chế độ hiển thị **FSK** hoặc **DTMF** cho từng **CO line .**
- **628 -> Next -> Ext ( 1..24/\* ,nhập \* nếu chọn tất cả các Ext ) -> Select (enable chế độ hiển thị / Disable chế độ không hiển thị ) -> store-> end**
- 150 Chọn chế độ hiển thị **FSK** hoặc **DTMF** cho từng **Ext .**

**XXVIII. Set cổng COM máy in RS232C**

- **Nhập 800 -> Next -> Select ( CR + LF/CR ) -> Store -> Next -> Select( 1200/2400/4800/9600bps**  
tốc độ máy in phải giống với tốc độ của tổng đài ) -> store -> next -> select ( 7/8 bit ) -> store ->  
**next -> select ( Mark/Space/ Even / all/ none ) -> store -> next -> select ( 1 bit / 2bit ) -> store ->**  
**end .**
  - + **Chọn mã đường line :** CR + LF/CR
  - + **Chọn tốc độ bit :** 1200/2400/9600/4800
  - + **Chọn độ dài ký tự :** 7/8 bit .
  - + **Chọn bit parity :** Mark/Space / even/ old/ None
  - + **Chọn bit stop :** 1 bit /2bit .

**XXIX. Chọn chế độ in hay không in cuộc gọi ra hoặc vào :**

- Nhập **802 -> next -> select ( On / Off / toll ) -> store -> next -> select ( On / Off ) -> store -> end .**
  - + **Outgoing call :** cuộc gọi ra : **ON**(in tất cả cuộc gọi) / **OFF**(không in)/ **Toll** ( in những cuộc gọi giới hạn ).
  - + **Incoming call :** Cuộc gọi vào : **On**(in) / **Off** (không gọi)

*Mọi vấn đề thắc mắc liên quan đến sản phẩm, xin Quý khách hàng vui lòng gọi*

*- Trung tâm bảo hành : 35007068 - 0932 794 168*